

Số: *111* /QĐ-UBND

Cà Mau, ngày 22 tháng 01 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định thí điểm về nuôi tôm - rừng
có chứng nhận quốc tế trên địa bàn tỉnh Cà Mau**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Bảo vệ và phát triển rừng ngày 03/12/2004;

Căn cứ Luật Thủy sản ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Dân sự ngày 14/6/2005;

Căn cứ Quyết định số 186/2006/QĐ-TTg ngày 14/8/2006 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế quản lý rừng;

Căn cứ Nghị định số 99/2010/NĐ-CP ngày 24/9/2010 của Chính phủ về chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng;

Căn cứ Nghị định số 117/2010/NĐ-CP ngày 24/12/2010 của Chính phủ về tổ chức quản lý hệ thống rừng đặc dụng;

Căn cứ Quyết định số 07/2012/QĐ-TTg ngày 08/02/2012 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành một số chính sách tăng cường công tác bảo vệ rừng;

Căn cứ Nghị định số 157/2013/NĐ-CP ngày 11/11/2013 của Chính phủ về Quy định xử phạt vi phạm hành chính về quản lý rừng, phát triển rừng, bảo vệ rừng và quản lý lâm sản;

Căn cứ Nghị định số 40/2015/NĐ-CP ngày 27/4/2015 của Chính phủ về Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 157/2013/NĐ-CP ngày 11/11/2013 quy định xử phạt vi phạm hành chính về quản lý rừng, phát triển rừng, bảo vệ rừng và quản lý lâm sản;

Căn cứ Quyết định số 17/2015/QĐ-TTg ngày 09/6/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế quản lý rừng phòng hộ;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 492/TTr-SNN ngày 30/12/2015,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định thí điểm về nuôi tôm - rùng có chứng nhận quốc tế trên địa bàn tỉnh Cà Mau.

Điều 2. Giao Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, đơn vị, doanh nghiệp thủy sản, UBND các huyện có liên quan tổ chức triển khai thực hiện Quyết định này; kịp thời tham mưu, đề xuất UBND tỉnh xem xét, điều chỉnh bổ sung cho phù hợp với tình hình thực tế, và đảm bảo quy định hiện hành của Nhà nước. Những khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện yêu cầu Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn báo cáo nhanh về UBND tỉnh để chỉ đạo kịp thời.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Thủ trưởng các sở, ngành, địa phương, đơn vị và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- CT Nguyễn Tiến Hải (đề b/c);
- PVP UBND tỉnh (Th, Q);
- PNN-NĐ (L);
- Lưu VT, Ktr41/01.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lâm Văn Bi
Lâm Văn Bi

QUY ĐỊNH

Thí điểm về nuôi tôm - rừng có chứng nhận quốc tế trên địa bàn tỉnh Cà Mau

(Ban hành kèm theo Quyết định số 111 /QĐ-UBND ngày 22/01/2016
của Chủ tịch UBND tỉnh Cà Mau)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Đối tượng áp dụng và phạm vi điều chỉnh

1. Quy định này quy định về các hoạt động nuôi tôm rừng tại Cà Mau theo các tiêu chuẩn chứng nhận quốc tế; các trình tự, thủ tục, điều kiện để thực hiện việc nuôi tôm - rừng có chứng nhận quốc tế và nghĩa vụ, trách nhiệm, quyền lợi của các bên có liên quan.

2. Quy định này áp dụng đối với việc nuôi tôm trong rừng phòng hộ (trừ rừng phòng hộ rất xung yếu), rừng sản xuất trên địa bàn tỉnh Cà Mau theo quy định về quản lý rừng.

3. Quy định này áp dụng đối với các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân là chủ rừng, các doanh nghiệp thủy sản, các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân khác có liên quan đến nuôi tôm - rừng có chứng nhận quốc tế trên địa bàn tỉnh Cà Mau.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong văn bản Quy định này, những từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Nuôi tôm - rừng là nuôi tôm trong rừng ngập mặn, kết hợp với bảo vệ và phát triển rừng, tôm sinh trưởng và phát triển trong môi trường rừng, mật độ thả nuôi thấp.

2. Môi trường rừng ngập mặn gồm các hợp phần của hệ sinh thái rừng: đất, nước, không khí, thực vật, động vật, vi sinh vật và cảnh quan thiên nhiên.

3. Giá trị sử dụng của môi trường rừng ngập mặn gồm: cung cấp bãi đẻ, nguồn thức ăn, nguồn nước cho nuôi trồng thủy sản; phòng hộ ven biển; phòng chống thiên tai; ứng phó với biến đổi khí hậu; bảo tồn đa dạng sinh học; hấp thụ và lưu giữ carbon; du lịch; gỗ và các sản phẩm thực vật, động vật có nguồn gốc khai thác từ rừng hoặc được cơ quan có thẩm quyền cho phép nuôi, thả trong môi trường rừng.

4. Nuôi tôm - rừng có chứng nhận quốc tế là việc tổ chức, hộ gia đình, cá nhân nuôi tôm theo yêu cầu chứng nhận quốc tế, phù hợp với quy định của pháp luật, để doanh nghiệp thủy sản, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân nuôi được cấp chứng nhận quốc tế.

5. Việc chứng nhận quốc tế là một quy trình xác nhận của tổ chức quốc tế về các điều kiện môi trường của vùng nuôi, kỹ thuật nuôi tôm, yếu tố xã hội đáp ứng các tiêu chuẩn do tổ chức quốc tế quy định.

6. Hộ nhận khoán rừng là hộ dân đang sinh sống hợp pháp trong phạm vi của khu rừng phòng hộ, rừng sản xuất ký hợp đồng với tổ chức chủ rừng, nhận khoán bảo vệ rừng ngập mặn và thực hiện các nghĩa vụ, quyền lợi theo quy định của pháp luật và bản hợp đồng.

Điều 3. Nguyên tắc nuôi tôm - rừng có chứng nhận quốc tế

1. Việc nuôi tôm - rừng có chứng nhận quốc tế phải nhằm mục đích đạt hiệu quả về bảo vệ rừng ngập mặn và môi trường rừng, gia tăng lợi nhuận của doanh nghiệp thủy sản và thu nhập của hộ dân tương xứng với giá sản phẩm tôm có chứng nhận quốc tế.

2. Việc nuôi tôm - rừng có chứng nhận quốc tế phải bền vững và lâu dài, dựa trên hợp đồng giữa doanh nghiệp thủy sản với tổ chức chủ rừng, hợp đồng giữa doanh nghiệp thủy sản với hộ dân.

3. Phải có cơ chế chia sẻ nghĩa vụ, trách nhiệm, quyền lợi giữa doanh nghiệp thủy sản với các hộ dân và tổ chức chủ rừng một cách công bằng, công khai, minh bạch.

Chương II

ĐIỀU KIỆN, TRÌNH TỰ THỦ TỤC THỰC HIỆN NUÔI TÔM - RỪNG CÓ CHỨNG NHẬN QUỐC TẾ

Điều 4. Điều kiện để doanh nghiệp thủy sản lập và thực hiện dự án nuôi tôm rừng có chứng nhận quốc tế

1. Việc nuôi tôm - rừng có chứng nhận quốc tế phải được lập thành dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

2. Có đủ năng lực về tài chính để chi trả tiền mua tôm, tiền dịch vụ môi trường rừng cho các hộ dân và tổ chức chủ rừng.

3. Có kinh nghiệm và năng lực về kỹ thuật để tổ chức thực hiện, hướng dẫn, kiểm tra, giám sát việc nuôi tôm theo tiêu chuẩn quốc tế.

4. Có thị trường tiêu thụ tôm nuôi theo tiêu chuẩn quốc tế.

5. Có ý thức trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ bảo vệ rừng ngập mặn và hệ sinh thái rừng.

6. Xây dựng quan hệ với các hộ dân nuôi tôm - rừng có chứng nhận quốc tế theo hợp đồng kinh tế, bình đẳng, hai bên cùng có lợi.

Điều 5. Trình tự thủ tục nuôi tôm rừng có chứng nhận quốc tế

1. Lập dự án nuôi tôm rừng có chứng nhận quốc tế

a) Doanh nghiệp thủy sản phải lập dự án có thời hạn tối thiểu 05 năm.

b) Các nội dung chính của dự án:

- Địa điểm, phạm vi, ranh giới, diện tích vùng nuôi tôm - rừng;
- Tổ chức quốc tế chứng nhận sản phẩm tôm và tiêu chuẩn kỹ thuật;
- Danh sách hộ dân tham gia nuôi tôm - rừng, theo đơn vị hành chính, diện tích rừng và nuôi tôm của từng hộ;
- Các biện pháp kỹ thuật áp dụng;
- Các biện pháp tổ chức thực hiện;
- Cơ chế kiểm tra, giám sát, kiểm soát chất lượng, thu mua sản phẩm;
- Quy định về giá tôm và phương thức chi trả cho các hộ dân nuôi tôm - rừng;
- Quyền và nghĩa vụ của doanh nghiệp thủy sản;
- Quyền và nghĩa vụ của hộ dân nuôi tôm rừng;
- Quyền và nghĩa vụ của tổ chức chủ rừng;
- Dự kiến hiệu quả về bảo vệ rừng ngập mặn và hệ sinh thái, kinh doanh của doanh nghiệp, sinh kế và thu nhập của hộ dân;
- Các biện pháp xử lý vi phạm của mỗi bên;
- Đánh giá tác động môi trường và cam kết bảo vệ môi trường theo quy định hiện hành.

c) Giao Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với các Sở, Ngành có liên quan, thẩm định và trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt dự án sau khi có ý kiến đồng thuận bằng văn bản của tổ chức chủ rừng, các hộ dân nuôi tôm - rừng.

d) Tổ chức lập dự án phải tổ chức tham vấn ý kiến đồng thuận của các hộ dân nuôi tôm - rừng.

đ) Hồ sơ dự án trình thẩm định và phê duyệt bao gồm:

- Báo cáo thuyết minh dự án có nội dung quy định tại Điểm c Điều này;
- Bản đồ vùng dự án (1/10.000);
- Tờ trình của Giám đốc doanh nghiệp thủy sản gửi Ủy ban nhân dân tỉnh đề nghị thẩm định và phê duyệt dự án.

2. Thực hiện các thủ tục sau khi dự án được duyệt

a) Sau khi dự án nuôi tôm rừng có chứng nhận quốc tế được phê duyệt, doanh nghiệp thủy sản phải phối hợp với tổ chức chủ rừng và các hộ dân triển khai các hoạt động thực hiện dự án.

b) Doanh nghiệp thủy sản dự thảo bản hợp đồng nuôi tôm rừng có chứng nhận quốc tế (có cùng thời hạn với dự án), tham vấn ý kiến của các hộ dân, chỉnh sửa theo góp ý của các hộ dân và hai bên tiến hành ký hợp đồng.

c) Doanh nghiệp thủy sản và tổ chức chủ rừng ký bản hợp đồng nuôi tôm - rừng có chứng nhận quốc tế (có cùng thời hạn với dự án).

3. Thời gian thực hiện dự án nuôi tôm - rừng có chứng nhận quốc tế

a) Doanh nghiệp thủy sản phải thực hiện thủ tục cấp chứng nhận nuôi tôm đạt tiêu chuẩn quốc tế cho toàn bộ các hộ nuôi tôm đủ điều kiện và đã ký hợp đồng với doanh nghiệp để nuôi tôm - rừng có chứng nhận quốc tế.

b) Tiến độ thực hiện chứng nhận nuôi tôm đạt tiêu chuẩn quốc tế phải hoàn thành theo kế hoạch được phê duyệt. Nếu doanh nghiệp không triển khai hoặc gián đoạn quá 6 (sáu) tháng mà không được Ủy ban nhân dân tỉnh chấp thuận sẽ cho ngừng thực hiện dự án và phải đền bù các thiệt hại (nếu có).

Điều 6. Tổ chức sản xuất tôm - rừng có chứng nhận quốc tế

1. Việc sản xuất tôm - rừng có chứng nhận quốc tế thực hiện theo hình thức tập thể. Tập thể sản xuất là tổ hợp tác hoặc hợp tác xã, do các hộ dân nuôi tôm - rừng tự lựa chọn và tự nguyện thành lập.

2. Mục đích của sản xuất tập thể là:

a) Hỗ trợ nhau trong bảo vệ rừng và nuôi tôm đạt năng suất, hiệu quả cao;

b) Tạo cơ sở pháp lý cho chủ rừng và tập thể sản xuất trong đàm phán với doanh nghiệp thủy sản về các vấn đề liên quan đến nghĩa vụ, quyền lợi trong nuôi tôm - rừng có chứng nhận quốc tế;

c) Xây dựng thương hiệu tôm nuôi trong môi trường rừng, tiếp thị và tiêu thụ sản phẩm trong tỉnh và ngoài tỉnh để sản phẩm tôm được xã hội và thị trường công nhận.

3. Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan xây dựng và ban hành tài liệu hướng dẫn hoạt động của tập thể sản xuất tôm - rừng có chứng nhận quốc tế và phổ biến cho các hộ dân hiểu để thực hiện.

Điều 7. Cơ chế mua, bán sản phẩm tôm giữa doanh nghiệp thủy sản và hộ dân

1. Đại diện có thẩm quyền của doanh nghiệp thủy sản và đại diện của tập thể hộ dân tiến hành đàm phán về giá mua bán sản phẩm tôm có chứng nhận quốc tế.

2. Doanh nghiệp thủy sản phải chi trả giá trị tăng thêm của sản phẩm tôm có chứng nhận quốc tế cho hộ dân. Mức chi trả giá trị tăng thêm do doanh nghiệp thủy sản và hộ dân tự thỏa thuận. Việc chi trả giá trị tăng thêm thực hiện ngay khi doanh nghiệp đã thu mua tôm và sau khi hộ dân hoàn thành đầy đủ thủ tục, hồ sơ truy xuất nguồn gốc sản phẩm tôm.

3. Doanh nghiệp thủy sản vẫn phải thực hiện nghĩa vụ làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quốc tế cho các hộ dân nuôi tôm - rừng khi họ đã đạt tiêu chuẩn quốc tế.

Điều 8. Quy định về chi trả tiền dịch vụ môi trường rừng

1. Tôm có chứng nhận quốc tế là tôm nuôi trong môi trường rừng ngập mặn. Các hộ dân nhận khoán bảo vệ rừng, đầu tư nuôi tôm theo tiêu chuẩn quốc tế trong môi trường rừng và tổ chức chủ rừng là bên cung ứng dịch vụ môi trường rừng. Doanh nghiệp thủy sản mua tôm nuôi trong môi trường rừng là bên sử dụng dịch vụ môi trường rừng, phải chi trả tiền dịch vụ môi trường rừng theo quy định tại Nghị định số 99/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 9 năm 2010 của Chính phủ về Chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng theo hình thức chi trả trực tiếp.

2. Doanh nghiệp thủy sản chi trả tiền dịch vụ môi trường rừng cho các hộ dân nuôi tôm - rừng và tổ chức chủ rừng.

a) Mức chi trả tiền dịch vụ môi trường rừng bình quân đối với hộ dân tối thiểu 500.000 đồng trên một hecta trong một năm cho diện tích có rừng ngập mặn trong hợp đồng khoán bảo vệ rừng giữa tổ chức chủ rừng và hộ dân, hoặc cập nhật chính thức của tổ chức chủ rừng. Khoản chi trả này được quy định trong bản hợp đồng nuôi tôm - rừng có chứng nhận quốc tế giữa doanh nghiệp thủy sản và hộ dân. Hộ dân được nhận tiền chi trả dịch vụ môi trường rừng sau khi đã bán cho doanh nghiệp tối thiểu 40 kilogam tôm đạt tiêu chuẩn quốc tế trên một hecta trên tổng diện tích được khoán, bao gồm cả rừng và mặt nước.

b) Mức chi trả tiền dịch vụ môi trường rừng bình quân đối với tổ chức chủ rừng tối thiểu là 1.000 đồng trên một kilogam tôm đạt tiêu chuẩn quốc tế mà doanh nghiệp đã thu mua của hộ dân.

c) Doanh nghiệp thủy sản chi trả tiền dịch vụ môi trường rừng hai lần trong một năm, lần đầu vào giữa tháng 6 sau khi đã mua được tối thiểu 20 kilogam tôm và lần thứ hai vào giữa tháng 12 sau khi đã mua đủ tối thiểu 40 kilogam tôm.

3. Việc chi trả tiền dịch vụ môi trường rừng của doanh nghiệp thủy sản cho hộ dân sẽ chấm dứt sau khi hai bên chấm dứt hợp đồng nuôi tôm - rừng có chứng nhận quốc tế.

4. Việc chi trả tiền dịch vụ môi trường rừng của doanh nghiệp thủy sản cho tổ chức chủ rừng sẽ chấm dứt sau khi không còn hộ dân nào hợp đồng nuôi tôm - rừng có chứng nhận quốc tế với doanh nghiệp thủy sản.

5. Tổ chức chủ rừng quản lý sử dụng tiền chi trả dịch vụ môi trường rừng cho các công việc thuộc nghĩa vụ của chủ rừng quy định trong bản hợp đồng nuôi tôm rừng có chứng nhận quốc tế ký với doanh nghiệp thủy sản và theo quy định của Nhà nước về quản lý tài chính phù hợp với loại hình tổ chức của đơn vị.

Chương III

NỘI DUNG CÁC BẢN HỢP ĐỒNG GIỮA DOANH NGHIỆP THỦY SẢN VỚI TỔ CHỨC CHỦ RỪNG VÀ HỘ DÂN NUÔI TÔM - RỪNG CÓ CHỨNG NHẬN QUỐC TẾ

Điều 9. Các căn cứ pháp lý để doanh nghiệp thủy sản ký hợp đồng với tổ chức chủ rừng và hộ dân nuôi tôm - rừng

- Luật Bảo vệ và phát triển rừng ngày 03/12/2004;

- Luật Dân sự ngày 14/6/2005;
- Nghị định số 99/2010/NĐ-CP ngày 24/9/2010 của Chính phủ về chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng;
- Nghị định số 117/2010/NĐ-CP ngày 24/12/2010 của Chính phủ về tổ chức quản lý hệ thống rừng;
- Nghị định số 40/2015/NĐ-CP ngày 27/4/2015 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 157/2013/NĐ-CP ngày 11/11/2013 quy định xử phạt vi phạm hành chính về quản lý rừng, phát triển rừng, bảo vệ rừng và quản lý lâm sản;
- Quyết định số 17/2015/QĐ-TTg ngày 09/6/2015 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế quản lý rừng phòng hộ;

Điều 10. Hợp đồng dịch vụ nuôi tôm - rừng có chứng nhận quốc tế giữa doanh nghiệp thủy sản và tổ chức chủ rừng

1. Thể thức và nội dung của bản hợp đồng

a) Hợp đồng giữa doanh nghiệp thủy sản và tổ chức chủ rừng là loại hợp đồng dịch vụ theo quy định của Luật Dân sự.

b) Tổ chức chủ rừng là bên cung ứng cho doanh nghiệp thủy sản dịch vụ về bảo vệ rừng ngập mặn để đảm bảo môi trường rừng cho nuôi tôm có chứng nhận quốc tế thông qua việc khoán rừng cho các hộ dân và tiến hành các biện pháp kỹ thuật lâm nghiệp để nâng cao chất lượng rừng.

c) Doanh nghiệp thủy sản là bên sử dụng dịch vụ thông qua việc thu mua sản phẩm tôm nuôi theo tiêu chuẩn quốc tế trong môi trường rừng ngập mặn để kinh doanh.

2. Thời hạn của hợp đồng

Thời hạn của hợp đồng dịch vụ giữa doanh nghiệp thủy sản và tổ chức chủ rừng là 05 năm.

3. Quyền và nghĩa vụ của doanh nghiệp thủy sản

a) Có nghĩa vụ chi trả tiền dịch vụ môi trường rừng cho tổ chức chủ rừng theo quy định tại khoản 2 Điều 8 của Quy định này.

b) Được quyền kiểm tra, giám sát tình hình bảo vệ rừng ngập mặn và từ chối chi trả số tiền dịch vụ môi trường rừng cho tổ chức chủ rừng tương ứng với diện tích rừng bị phá hoặc xâm hại.

4. Quyền và nghĩa vụ của tổ chức chủ rừng

a) Được quyền từ chối không cho doanh nghiệp thủy sản thực hiện kinh doanh nuôi tôm - rừng có chứng nhận quốc tế nếu doanh nghiệp thủy sản không thực hiện đúng nghĩa vụ theo hợp đồng ký với các hộ dân và tổ chức chủ rừng.

b) Có nghĩa vụ tổ chức thực hiện các biện pháp bảo vệ rừng ngập mặn để cung ứng dịch vụ môi trường rừng cho nuôi tôm theo tiêu chuẩn quốc tế.

c) Được chi trả tiền dịch vụ môi trường rừng theo quy định tại khoản 2 Điều 9 của Quy định này.

Điều 11. Hợp đồng dịch vụ nuôi tôm - rừng có chứng nhận quốc tế giữa doanh nghiệp thủy sản và hộ dân

1. Thể thức và nội dung của bản hợp đồng

a) Hợp đồng giữa doanh nghiệp thủy sản và hộ dân là loại hợp đồng dịch vụ theo quy định của Luật Dân sự.

b) Hộ dân cung ứng cho doanh nghiệp thủy sản dịch vụ bảo vệ rừng để đảm bảo các điều kiện môi trường rừng cho nuôi thủy sản theo tiêu chuẩn quốc tế.

c) Doanh nghiệp thủy sản là bên sử dụng dịch vụ môi trường rừng thông qua việc thu mua các sản phẩm tôm nuôi trong môi trường rừng đạt tiêu chuẩn quốc tế để kinh doanh.

2. Thời hạn của hợp đồng

Thời hạn của hợp đồng dịch vụ nuôi tôm - rừng có chứng nhận quốc tế giữa doanh nghiệp thủy sản và hộ dân là 05 năm.

3. Quyền và nghĩa vụ của doanh nghiệp thủy sản

a) Phổ biến, tập huấn, hướng dẫn, kiểm soát việc thực hiện nuôi tôm rừng theo tiêu chuẩn quốc tế của các hộ dân.

b) Thực hiện thủ tục chứng nhận sản phẩm tôm đạt tiêu chuẩn quốc tế cho các hộ dân theo đúng tiến độ kế hoạch được phê duyệt.

c) Thu mua tất cả tôm nguyên liệu theo các kích cỡ khác nhau đã được cấp chứng nhận quốc tế của các hộ dân theo giá thỏa thuận giữa hai bên.

d) Được quyền từ chối thu mua tôm của hộ dân khi hai bên không thỏa thuận được giá hoặc tôm không đạt tiêu chuẩn kỹ thuật.

đ) Chi trả tiền giá trị tăng thêm của sản phẩm tôm có chứng nhận quốc tế cho hộ dân theo quy định tại khoản 2 Điều 7 của Quy định này.

e) Chi trả tiền dịch vụ môi trường rừng cho hộ dân theo quy định tại khoản 2 Điều 8 của Quy định này.

4. Quyền và nghĩa vụ của hộ dân nuôi tôm - rừng có chứng nhận quốc tế

a) Tuân thủ nghiêm ngặt các quy định về nuôi tôm - rừng có chứng nhận quốc tế.

b) Lưu trữ tất cả hồ sơ, hóa đơn, chứng từ liên quan đến nuôi tôm - rừng trong thời gian tối thiểu ba (03) năm.

c) Được tham gia thực hiện chứng nhận sản phẩm tôm đạt tiêu chuẩn quốc tế.

d) Được thu mua tất cả tôm nguyên liệu theo các kích cỡ khác nhau đã được cấp chứng nhận quốc tế của các hộ dân theo giá thỏa thuận giữa hai bên.

đ) Được quyền từ chối bán tôm cho doanh nghiệp khi hai bên không thỏa thuận được giá tôm.

e) Được doanh nghiệp thủy sản chi trả tiền giá trị tăng thêm của sản phẩm tôm có chứng nhận quốc tế theo quy định tại khoản 2 Điều 7 của Quy định này.

g) Được doanh nghiệp thủy sản chi trả tiền dịch vụ môi trường rừng theo quy định tại khoản 2 Điều 8 của Quy định này.

Chương IV

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 12. Trách nhiệm của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

1. Ban hành tài liệu hướng dẫn hoạt động của tập thể sản xuất tôm - rừng có chứng nhận quốc tế và phổ biến cho các hộ dân biết để thực hiện.
2. Theo dõi, giám sát, đánh giá quá trình thực hiện bản Quy định này, định kỳ báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau để biết và chỉ đạo.
3. Tham gia cuộc họp đàm phán giữa tổ hợp tác với doanh nghiệp thủy sản về giá mua, bán tôm với tư cách bên chứng kiến.

Điều 13. Trách nhiệm của doanh nghiệp thủy sản

1. Tổ chức thực hiện bản Quy định này theo nghĩa vụ, trách nhiệm và quyền lợi của doanh nghiệp đối với việc phát triển kinh tế, bảo vệ môi trường và an sinh xã hội đối với địa phương.
2. Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổ chức chủ rừng trong quá trình thực hiện và đóng góp ý kiến để cơ quan có thẩm quyền xem xét, hoàn thiện các nội dung của bản Quy định này.

Điều 14. Trách nhiệm của tổ chức chủ rừng

1. Tổ chức thực hiện bản Quy định này theo nghĩa vụ, trách nhiệm và quyền lợi của chủ rừng.
2. Tổ chức và hỗ trợ các hộ dân thực hiện nghĩa vụ, trách nhiệm và quyền lợi quy định trong bản Quy định này nhằm đáp ứng mục tiêu bảo vệ rừng ngập mặn thông qua biện pháp cải thiện sinh kế, thu nhập cho các hộ dân và xã hội hóa công tác bảo vệ rừng.

Điều 15. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã

1. Thực hiện trách nhiệm bảo vệ rừng quy định tại Quyết định số 07/2012/QĐ-TTg ngày 08/02/2012 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành một số chính sách tăng cường công tác bảo vệ rừng.
2. Phối hợp với tổ chức chủ rừng hướng dẫn các hộ dân nuôi tôm - rừng có chứng nhận quốc tế thành lập tập thể sản xuất tôm - rừng có chứng nhận quốc tế theo quy định của pháp luật.

Điều 16. Trách nhiệm của các hộ dân nuôi tôm rừng có chứng nhận quốc tế

1. Bảo vệ rừng theo nghĩa vụ được quy định tại bản hợp đồng khoán bảo vệ rừng của tổ chức chủ rừng để cung ứng dịch vụ môi trường rừng cho nuôi tôm - rừng.
2. Hợp tác với doanh nghiệp thủy sản và tổ chức chủ rừng trong việc nuôi tôm - rừng có chứng nhận quốc tế để đạt hiệu quả cao về kinh tế và môi trường.
3. Phát huy tính cộng đồng trong việc bảo vệ rừng và nuôi thủy sản sinh thái.

Điều 17. Sự hỗ trợ của các tổ chức quốc tế

Khuyến khích sự hỗ trợ về kỹ thuật và tài chính của các tổ chức quốc tế trong việc thực hiện bản Quy định này nhằm tạo ra cơ chế mới trong quản lý, bảo vệ, sử dụng bền vững rừng ngập mặn và hệ sinh thái đất ngập nước có sự tham gia của cộng đồng, ứng phó với biến đổi khí hậu.

Điều 18. Điều khoản thi hành

1. Doanh nghiệp thủy sản phải lập dự án nuôi tôm rừng có chứng nhận quốc tế theo trình tự, thủ tục quy định tại Điều 5 của Quy định này để thực hiện.

2. Trong quá trình thực hiện nếu có phát sinh khó khăn, vướng mắc và các nội dung cần điều chỉnh, các tổ chức, cá nhân phản ánh về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để tổng hợp, báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lâm Văn Bi
Lâm Văn Bi